

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 15 – 12 – 2021

V/v: “*Tranh chấp về cấp dưỡng
nuôi con và thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết

Ông H Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2021/HNGĐ-PT ngày 21/10/2021 về việc “*Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXX-PT ngày 16/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hải D; Địa chỉ: Khối 2, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản uỷ quyền ngày 01/3/2021). (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Hải D trình bày:*

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự số 194/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar đã công nhận sự thuận tình ly hôn cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H, giao con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/11/2015 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay con chung đã lớn nên chi phí sinh hoạt, học hành ngày càng tốn kém với tổng chi phí khoảng 7.000.000đồng/tháng. Nên bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc H1 là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Đối với yêu cầu phản tố về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông H bà T không đồng ý. Vì, hiện nay bà T làm công nhân có thu nhập ổn định 12.000.000 đồng tháng, có nơi ở ổn định là 01 giấy CNQSDĐ số CQ 549208 được thay đổi cơ sở pháp lý ngày 12/8/2021 đã sang nhượng cho bà Nguyễn Thị T và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/6/2021, có giấy xác nhận nơi con chung học tập vẫn phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Bà T vẫn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Hà Văn H trình bày: Ông H đồng ý về việc ông H và bà Nguyễn Thị T đã ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự số 194/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar, cũng như các nội dung trong quyết định như người đại diện theo uỷ quyền của bà T đã trình bày. Nhưng từ khi bà T trực tiếp nuôi con đến nay, ông H thường xuyên lo lắng, không yên tâm vì bà T không đảm bảo về mặt kinh tế cũng như điều kiện chăm sóc con chung. Hiện nay, bà T đã đi lấy chồng, chồng của bà T cũng có con riêng và có con chung với người chồng mới, nuôi con nhỏ sẽ vất vả không có thời gian để chăm sóc cháu H1. Hơn nữa, bà T không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp nên phần nào sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc, giáo dục để cháu H1 phát triển về thể chất và tinh thần.

Bản thân ông H hiện nay là cán bộ nhà nước, có nghề nghiệp ổn định 9.300.000 đồng/tháng, vào tháng 7/2021 ông H đã sang nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở của ông H cho người khác được hơn 5 tỷ đồng đang gửi ngân hàng, ông H hiện đang ở chung với mẹ. Mặt khác, ông H chỉ có cháu H1 là con. Với điều kiện kinh tế, phẩm chất, đạo đức của ông H hiện nay đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đảm bảo cuộc sống phát triển thể chất và tinh thần lâu dài cho con chung nên ông H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu

cầu của bà T. Đồng thời, ngày 08/12/2020, ông H có đơn phản tố yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi quyền nuôi con cho ông H được trực tiếp nuôi con chung và ông H không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 28, Điều 147, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 82, khoản 2 Điều 84, Điều 110, khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/11/2015 là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm số: 22/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, chấp nhận đơn phản tố của bị đơn và giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/11/2015 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng.

Ngày 08/12/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T rút đơn khởi kiện đối với việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H1.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét đơn kháng cáo của ông H trong thời hạn luật định và đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên xét xử theo thủ tục phúc thẩm là hợp lệ.

- Về nội dung: Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T rút đơn khởi kiện và được bị đơn đồng ý, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 Bộ Luật tố tụng dân sự hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét kháng cáo yêu cầu phản tố về yêu cầu thay đổi người nuôi con chung sau ly hôn của ông H,

qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thấy rằng cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H là đảm bảo phù hợp quy định. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo ông Nguyễn Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, hủy và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T, giữ nguyên bản án Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm số: 22/2021/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T rút đơn khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn H đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và đơn kháng cáo về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Xét đơn kháng cáo yêu cầu phản tố của bị đơn về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn còn trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn theo Quyết định 194/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Ông H và bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H1 – sinh ngày 03/11/2021, theo quyết định bà T là người trực tiếp nuôi con, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ cũng là quyền lợi của cha mẹ, việc các bên đương sự tranh chấp nuôi con chung sau khi ly hôn cũng là xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái, nhưng giao con cho ai là người trực tiếp nuôi dạy con chung thì phải xem xét đến quyền lợi của trẻ để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Ông H và bà T đều có nguyện vọng được nuôi con chung, cả hai đều đủ điều kiện để nuôi dạy cháu H1 như: Có công việc, thu nhập ổn định và đang sống cùng gia đình (bà T sống cùng gia đình chồng, ông H sống cùng mẹ). Nhưng xét về nhiều mặt thực tế thì: Hiện nay, bà T đã lập gia đình mới, đang nuôi 01 con nhỏ dưới 01 tuổi, 01 con riêng của chồng và mẹ chồng lớn tuổi; ông H hiện chưa lập gia đình, chỉ có một người

con duy nhất là cháu H1, về thu nhập của ông H hiện nay bao gồm tiền lương và tiền lãi ngân hàng là 29.550.000đ/tháng cao hơn tổng thu nhập của bà T. Ông H có nơi ở ổn định, trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm ông H đã cung cấp các tài liệu chứng minh mình được thừa kế di sản là đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B149641, do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 30/10/1992. Vì vậy, nếu giao con chung cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì cháu H1 sẽ có môi trường sống, học tập, sinh hoạt tốt hơn khi ở cùng mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H1 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Do nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa và được bị đơn đồng ý nên các đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299 và khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2021/HNGĐ-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Sửa một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2021/HNGĐ-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H giao con chung Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh ngày 03/11/2015 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bà Nguyễn Thị T cấp dưỡng.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông H đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0005490 ngày 07/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nhung